

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3173** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **21** tháng 6 năm 2023

V/v thực hiện Nghị định số
26/2023/NĐ-CP và Quyết định số
15/2023/QĐ-TTg ngày 31/5/2023
về biểu thuế

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 31/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2023/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan thay thế Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021, Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg ngày 31/5/2023 quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu thay thế Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/6/2016, Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 và Quyết định số 28/2019/QĐ-TTg ngày 16/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Để thực hiện thống nhất Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg ngày 31/5/2023 của Chính phủ, Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan triển khai các nội dung sau:

1. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức nghiên cứu, quán triệt tập huấn toàn bộ Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg cho toàn thể cán bộ, công chức hải quan, đồng thời tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

2. Những nội dung chính cần lưu ý trong triển khai thực hiện:

2.1. Đối với Nghị định số 26/2023/NĐ-CP

2.1.1. Về Biểu thuế xuất khẩu

- Thống nhất áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu 5% đối với các mặt hàng phân bón thuộc các nhóm 31.02, 31.03, 31.04, 31.05, trừ các mã hàng 3105.10.20, 3105.20.00, 3105.30.00, 3105.40.00, 3105.60.00 áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu 0%.

- Giảm thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng than củi thuộc mã hàng 4402.90.00: từ 10% xuống 5%.

- Chi tiết mã hàng 7411.10.00 “- Bằng đồng tinh luyện” thành mã hàng 7411.10.00.10 “- - Có đường kính ngoài ≤ 50 mm”, thuế suất 0% và mã hàng 7411.10.00.90 “- - Loại khác”, thuế suất 5%.

- Tăng thuế suất thuế xuất khẩu đối với các mặt hàng kẽm chưa gia công

thuộc các mã hàng 7901.11.00.90, 7901.12.00.90, 7901.20.00.90 và các mặt hàng thiếc chưa gia công thuộc các mã hàng 8001.10.00.90, 8001.20.00.90: từ 5% lên 10%

2.1.2. Về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng Ethanol thuộc mã hàng 2207.20.11 và 2207.20.19: từ 15% xuống 10%.

- Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 50% cho tất cả các mã hàng thuộc nhóm 24.04 “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người.” (nhóm hàng mới so với Danh mục AHTN 2017, trong đó có các sản phẩm dùng cho thuốc lá điện tử).

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng thuộc các mã hàng 2710.12.40, 2710.12.50, 2710.12.60, 2710.12.70, 2710.12.80, 2710.12.91, 2710.12.92, 2710.12.99: từ 20% xuống 10%.

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thuộc mã hàng 2710.19.90 và mã hàng 2710.20.00: từ 5% xuống 0%.

- Giảm thuế nhập khẩu mặt hàng lớp bằng cao su chưa qua sử dụng dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng thuộc các mã hàng 4011.20.11; 4011.20.12; 4011.20.13; 4011.20.19: từ 25% xuống 20%.

- Xóa bỏ một số mã hàng, nhóm hàng tại Chương 98: 9801.00.00; 9803.00.00; 9804.23; 9804.14 do trùng mô tả với hàng hóa tại 97 Chương.

- Cơ cấu lại danh mục mặt hàng thuộc nhóm 98.21 theo hướng xóa bỏ các mã hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu tại Chương 98 trùng với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại 97 Chương và giữ lại các mã hàng có mức thuế suất 7% tại nhóm 98.21.

- Xóa bỏ mã hàng 9845.10.00 “- Kính tối nhiệt an toàn (là loại kính cường lực (chịu lực cao, độ bền va đập gấp 5-8 lần, độ bền sốc nhiệt gấp 3 lần so với kính thường)” thuộc mã hàng 7007.11.10; và sửa lại mô tả của mã hàng 9845.20.00 thành “- Kính an toàn, kính dán an toàn (dày từ 6 đến 12 mm/kính dán nhiều lớp để tăng độ bền, có thể hạn chế tia UV), loại dùng cho ô tô tải và ô tô chở khách thuộc nhóm 87.02 và 87.04”

- Xóa bỏ khỏi nhóm 98.49 các mặt hàng lớp bơm hơi đã qua sử dụng thuộc các mã hàng 9849.13.20; 9849.13.31; 9849.13.39; 9849.13.40; 9849.13.51; 9849.13.59.

2.1.3. Về Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô

2.1.3.1. Về quy định điều kiện đối với linh kiện ô tô nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô

Sửa đổi quy định về điều kiện áp dụng đối với linh kiện ô tô nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi thuế, trong đó, quy định đối với linh kiện ô tô nhập

khẩu không cần đáp ứng điều kiện về mức độ rời rạc tối thiểu theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ như tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP, thay vào đó là phải đáp ứng điều kiện sau:

“a.3) Trường hợp bộ linh kiện nhập khẩu (bao gồm nhập khẩu theo nhiều nguồn, nhiều chuyên) có thân vỏ ô tô và khung ô tô thì phải đáp ứng:

Thân vỏ ô tô bao gồm tối thiểu các cụm: cụm nóc, cụm sàn, cụm sườn trái, cụm sườn phải, cụm trước, cụm sau và các mảng liên kết (nếu có) rời nhau và chưa sơn tĩnh điện;

Khung ô tô: loại có chiều dài dưới 3,7 m nhập khẩu, đã hoặc chưa liên kết với nhau, phải chưa sơn tĩnh điện; loại có chiều dài từ 3,7 m trở lên, đã hoặc chưa liên kết với nhau, được phép sơn tĩnh điện trước khi nhập khẩu.

a.4) Linh kiện ô tô nhập khẩu không có mặt hàng thuộc nhóm 87.07 (thân xe, kể cả ca-bin).”

2.1.3.2. Sửa đổi mẫu số 05 và các doanh nghiệp đã đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế thì phải thực hiện đăng ký lại với cơ quan hải quan khi Nghị định có hiệu lực thi hành.

2.1.4. Về phân loại và áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hoá nhập khẩu là bộ linh kiện CKD và bộ linh kiện không đồng bộ của ô tô để sản xuất, lắp ráp ô tô

Doanh nghiệp nhập khẩu bộ linh kiện CKD hoặc bộ linh kiện không đồng bộ của xe ô tô được phân loại và áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo từng linh kiện, phụ tùng quy định tại 97 chương thuộc Mục I Phụ lục II Nghị định số 26/2023/NĐ-CP hoặc lựa chọn phân loại và áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo bộ linh kiện CKD và bộ linh kiện không đồng bộ của xe ô tô quy định tại nhóm 98.21 hoặc áp dụng theo xe ô tô nguyên chiếc quy định tại 97 chương.

Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn cách tính thuế theo từng linh kiện, phụ tùng ô tô hoặc nhóm 98.21 thì điều kiện áp dụng đối với linh kiện ô tô nhập khẩu quy định tại điểm b.5.1 khoản 2 Mục II Chương 98, trong đó, điều kiện về mức độ rời rạc tối thiểu của linh kiện ô tô không phải áp dụng. Các điều kiện áp dụng được quy định như sau:

“Linh kiện phải do các doanh nghiệp đảm bảo Tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định của Chính phủ về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô trực tiếp nhập khẩu để sản xuất hoặc tổ chức, cá nhân được các doanh nghiệp đảm bảo Tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô ủy quyền nhập khẩu, ủy thác nhập khẩu hoặc nhập khẩu kinh doanh. Trường hợp ủy thác nhập khẩu thì phải có hợp đồng ủy thác, trường hợp nhập khẩu kinh doanh thì phải có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có đủ điều kiện lắp ráp xe ô tô theo quy định khi làm thủ tục hải quan nhập khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu bộ linh kiện CKD hoặc bộ linh kiện không đồng bộ lựa chọn cách tính thuế theo từng linh kiện, phụ tùng ô tô hoặc

nhóm 98.21 nhưng cơ quan hải quan qua thanh tra, kiểm tra phát hiện doanh nghiệp không sử dụng các bộ linh kiện này để thực hiện sản xuất, lắp ráp xe ô tô thì truy thu theo thuế suất thuế nhập khẩu của xe ô tô nguyên chiếc và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.”

2.1.5. Về phụ lục III - Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống, đã qua sử dụng:

Sửa lại nội dung mô tả các nhóm hàng tại điểm a khoản 2: “- Ô tô (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung, SUVs và ô tô thể thao, nhưng không kể ô tô van)” thành “- Ô tô trừ ô tô van, ô tô cứu thương, ô tô tang lễ, ô tô chở phạm nhân, ô tô nhà ở lưu động”. Đồng thời, điều chỉnh mô tả nhóm hàng “Xe khác” thành “Loại khác”

2.1.6. Về hiệu lực thi hành:

a) Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2023.

b) Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu bộ linh kiện CKD và bộ linh kiện không đồng bộ của ô tô để sản xuất, lắp ráp, bao gồm cả doanh nghiệp nhập khẩu ủy quyền, nhập khẩu ủy thác có hợp đồng ủy thác, doanh nghiệp nhập khẩu kinh doanh có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô trong giai đoạn từ ngày 01/10/2022 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành lựa chọn cách tính thuế theo từng linh kiện, phụ tùng ô tô hoặc nhóm 98.21 thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ, riêng điều kiện về mức độ rời rạc tối thiểu của linh kiện ô tô không phải áp dụng.

c) Trường hợp doanh nghiệp đã tham gia Chương trình ưu đãi thuế nhưng chưa được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp từ ngày 01/10/2022 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hoàn thuế đối với số linh kiện ô tô đã nhập khẩu nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Chương trình ưu đãi thuế tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP, riêng điều kiện về mức độ rời rạc tối thiểu của linh kiện ô tô tại điểm b khoản 3.1 Điều 7a quy định tại khoản 3 Điều 2 và điểm b.5 khoản 3 Mục II Chương 98 Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ không phải áp dụng.

d) Từ ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP thì điều kiện đối với linh kiện ô tô nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, trong đó lưu ý nội dung sửa đổi đề cập tại điểm 2.1.3 nêu trên.

2.1.7. Yêu cầu Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố quán triệt, chỉ đạo các Chi cục hải quan thực hiện các thủ tục áp dụng thuế suất 0% của nhóm 98.49 đối với các tờ khai nhập khẩu linh kiện ô tô đăng ký từ ngày 01/10/2022 nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Chương trình ưu đãi thuế theo quy định để kịp thời hoàn thuế cho doanh nghiệp kể từ ngày 15/7/2023 và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng cục Hải quan trước ngày 31/7/2023.

2.2. Đối với Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg:

Giảm thuế suất thuế nhập khẩu thông thường một số mặt hàng thuộc các mã hàng sau:

- Mã hàng 2710.19.90 và mã hàng 2710.20.00: từ 7,5% xuống 0%.
- Mã hàng 2713.90.00: từ 5% xuống 0%.
- Mã hàng 2901.22.00: từ 5% xuống 0%.

Hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023.

3. Giao Cục thuế xuất nhập khẩu phối hợp:

- Văn phòng Tổng cục để thực hiện cập nhật trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung (Edoc).

- Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan cập nhật mức thuế suất trên Hệ thống VNACCS/VCIS để thực hiện khai báo từ ngày 15/7/2023. Đồng thời, cập nhật Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg lên Website của Tổng cục Hải quan để thực hiện theo hiệu lực của văn bản.

- Cục Quản lý rủi ro nghiên cứu đề thiết lập các tiêu chí cảnh báo rủi ro đối với việc áp dụng thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Tổng hợp các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đồng thời, tham mưu, đề xuất Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giải quyết kịp thời đối với các trường hợp này.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để báo cáo);
- Vụ CST (để phối hợp t/h);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK-PL (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Hoàng Việt Cường